

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2018/DS-ST
Ngày 04 - 10 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Giới
Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2018/LST- DS ngày 27 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 372/2018/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Doanh nghiệp tư nhân X

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Kiều T – Chủ doanh nghiệp

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Thị Kiều M – sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: số 20, ấp B, xã LVL, thành phố C, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Chị Lê Thị N - sinh năm 1970 (vắng mặt)

Anh Phan Văn T – sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp RL, xã Y, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-7-2018 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Trần Thị Kiều M trình bày:

Ngày 18-12-2017, Doanh nghiệp tư nhân X (gọi tắt là Doanh nghiệp) có ký hợp đồng số 1812/2018/HĐMB-TQM với chị Lê Thị N. Theo đó Doanh nghiệp bán thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của chị N để nuôi hai ao tôm. Theo thỏa thuận sau vụ thu hoạch tôm hoặc sau 04 tháng kể từ ngày ký hợp đồng thì chị N phải thanh toán dứt nợ cho Doanh nghiệp. Doanh nghiệp đã bán thức ăn, thuốc thủy sản cho chị N từ ngày 18-12-2017 đến khi thu hoạch tôm ngày 23-4-

2018 nhưng chị N chưa thanh toán tiền cho Doanh nghiệp. Tại bản đối chiếu công nợ ngày 23-4-2018, chị N còn nợ Doanh nghiệp là 100.832.000 đồng.

Chị N trực tiếp giao dịch mua bán với Doanh nghiệp nhưng anh Phan Văn T là chồng chị N vẫn sống chung một nhà, việc nuôi tôm nhằm mục đích phục vụ lợi ích chung cho gia đình nên buộc anh Phan Văn T cùng chị Lê Thị N có trách nhiệm thanh toán cho Doanh nghiệp 100.832.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị N và anh Phan Văn T đúng theo quy định pháp luật nhưng chị N và anh T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị N và anh Phan Văn T đã được Tòa án thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử đầy đủ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 207, 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán. Nguyên đơn là Doanh nghiệp tư nhân X (gọi tắt là Doanh nghiệp) người đại diện bà Trần Thị Kiều T – Chủ doanh nghiệp với chị Lê Thị N có ký hợp đồng số 1812/2018/HĐMB-TQM ngày 18-12-2017 về việc mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản. Tại bản đối chiếu công nợ ngày 23-4-2018, chị N ký nhận nợ của nguyên đơn với số tiền 100.832.000 đồng là thực tế. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị N và anh Phan Văn T trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án đúng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hơn nữa, anh T và chị N là vợ chồng, sống chung một nhà. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu chị N và anh T cùng trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 100.832.000 đồng là phù hợp.

[3] Đối với lãi suất chậm thanh toán, tại Điều 3 của hợp đồng mua bán có quy định “*Kể từ thời điểm chấm dứt giao dịch (hợp đồng hết hạn) nếu bị đơn không thanh toán dứt nợ cho nguyên đơn thì phải chịu lãi suất chậm trả là 9%/năm đến khi thanh toán dứt nợ*”. Tại phiên tòa, chị My là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán lãi chậm trả từ ngày 23-4-2018 đến ngày 23-9-2018 (05 tháng) là 100.832.000 đồng x 9%/năm (1,125%/tháng) x 05 tháng = 5.672.000 đồng. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng 106.504.000 đồng (trong đó nợ gốc 100.832.000 đồng và lãi 5.672.000 đồng).

[4] Án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu 5.325.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 143, 147, 207, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 353, 357, 430, 433, 434, 440 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Doanh nghiệp tư nhân X. Buộc bị đơn chị Lê Thị N và anh Phan Văn T phải thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng 106.504.000 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu năm trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn phải chịu 5.325.000 đồng. Nguyên đơn không phải nộp án phí, ngày 27-7-2018 nguyên đơn đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 2.520.000 đồng theo biên lai thu số 0008480 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T được hoàn lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Phòng NV-GĐKT (gửi Email);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Hoàng Đắc